

Bản án số: 52/2018/HS-ST
Ngày: 27-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công Hải và bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh T** (tên gọi khác: Tinh cò); sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1981 tại huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang V và con bà: Nguyễn Thị Nh; có vợ: Lưu Thị Tr và 01 con sinh năm 2009; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 30/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (bản án số 15/2011/HSST), ngày 25/4/2013 bị Tòa án Quân sự khu vực 1, Quân khu 4 xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 03/2013/HSST) chấp hành xong hình phạt vào ngày 05/12/2013, ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện NhX, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bản án số 05/2015/HSST), chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/11/2016; nhân thân: Ngày 26/9/2002 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An xử phạt 9 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (bản án số 58/HSST); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1994. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, Thanh Hóa.

- Anh Trần Quyết Th, sinh năm 1972. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Phường T, thành phố V, Nghệ An.

- Chị Phạm Thị D, sinh năm 1989. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Ngô Văn B, sinh năm 1968. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm T, xã ThH, huyện Q, Nghệ An.

- Chị Vi Thị L, sinh năm 1993. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm Q, xã ChQ, huyện Q, Nghệ An.

- Anh Lê Q, sinh năm 1986. Có mặt.
Nơi cư trú: Khối 9, phường L thị xã T, Nghệ An.

- Anh Nguyễn Cảnh H, sinh năm 1990. Có mặt.
Nơi cư trú: Xóm S, xã N, huyện N, Nghệ An.

- Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1969. Có mặt.
Nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện N, Nghệ An.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993. Vắng mặt.
Đại diện theo ủy quyền của chị T: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện N, Nghệ An.

- Anh Trần Văn Th, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 8, xã D, huyện D, Nghệ An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Văn D1, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 6, xã D, huyện D, Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, Nghệ An.

- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện N, Nghệ An.

- Anh Nguyễn Anh Th, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: 01C, đường Nguyễn S, phường Đ, tp T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ 24/12/2016 đến ngày 31/12/2017, với mục đích tìm tài sản để trộm cắp Trần Thanh T đã sử dụng vạm phá khóa để bẻ khóa, thực

hiện các hành vi lấy cắp xe máy trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 12 năm 2016 (âm lịch) T đón xe khách đi Thanh Hóa. Khi đi đến xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, T thấy phía trước một quán có xe máy nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen biển kiểm soát 36C1-21048 của chị Lê Thị H. Quan sát thấy không có người trông coi, T dùng văm phá khóa bẻ khóa xe và trộm chiếc xe máy đi về nhà. Trên đường về T tháo biển số xe vớt dọc đường. Về nhà T lắp biển số xe của anh trai vào chiếc xe nói trên và sử dụng làm phương tiện đi lại một thời gian. Sau đó T đem bán chiếc xe máy trên cho Nguyễn Xuân H với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào ngày 20/01/2017 T đi xe buýt đến Cây xăng gốc gạo thuộc phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 23 giờ T đi bộ khoảng 1km qua đường vành đai, sau đó đi vào đường bê tông khoảng 100 mét. T thấy trong sân nhà cấp 4 có dựng 01 xe máy nhãn hiệu Sirius màu đen trắng biển kiểm soát 37B1-369.06 của anh Lê Q. T vào trong sân, dùng văm phá khóa bẻ khóa xe và trộm chiếc xe máy. Đến khoảng 16 giờ ngày 21/01/2017, T bán cho một người tên H ở xã T, huyện Y, Nghệ An với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Vào ngày 03/02/2017, T bắt xe khách đến ngã ba G, huyện N, Hà Tĩnh. Đến nơi T thấy trong gara ô tô của một ngôi nhà cấp bốn có một chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter MX màu bạc, biển số 37N1-0210 của anh Trần Quyết Th. T dùng văm phá khóa bẻ khóa xe và trộm chiếc xe máy đi về, T tháo biển số xe và vớt dọc đường. Về nhà, T lắp biển số xe khác vào xe máy trộm được, dùng làm phương tiện đi lại. Một thời gian sau T bán chiếc xe cho Nguyễn Xuân H với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Vụ thứ tư: Ngày 07/4/2017 T đi xe bus đến ngã ba Y, xuống xe, T đi bộ dọc đường quốc lộ 1A đến cây xăng xã D, huyện D, Nghệ An. T đi bộ tiếp khoảng 20-30 mét thì thấy phía trước một quán ăn ven đường có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 37M1-103.78 của anh Trần Văn Th. Quan sát thấy không có người trông coi nên T dùng văm phá khóa bẻ khóa xe và trộm chiếc xe máy. T đem xe trên bán cho Lê Bá T với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Vụ thứ năm: Khoảng 24 giờ ngày 06/04/2017 (âm lịch) tức ngày 01/5/2017 (dương lịch) T đi bộ dọc đường chính đến cổng chào xóm P, xã N, huyện N, thấy có một ngôi nhà cấp 4 gần cổng chào, cửa chính đóng nhưng không khóa, trong sân nhà có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu đỏ, đen, bạc biển kiểm soát 37G1-583.29 của anh Đỗ Văn Đ. T dùng văm phá khóa bẻ khóa xe và trộm chiếc xe. Sau đó, bán cho Lê Bá T với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Vụ thứ sáu: Khoảng 23 giờ 30 một ngày giữa tháng 5 năm 2017 T đến xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, T đi bộ đến một phòng trống của dãy nhà tập thể của Ngân hàng Bắc Á ở xóm S thấy có 02 chiếc xe máy trong đó có 01 chiếc xe máy

nhãn hiệu Honda Air Blade màu đen đỏ, biển kiểm soát 37D1-694.86 của anh Nguyễn Cảnh H. T dùng vạm phá khóa bể khóa xe và trộm chiếc xe. Đưa chiếc xe đến nhờ Lê Bá T bán hộ. Sau đó Lê Bá T nói lại với T là bán xe cho Hoàng M (bạn của T) nhưng bị Hoàng M lừa lấy mất xe nên T trở về nhà.

Vụ thứ bảy: Khoảng 18 giờ vào một ngày cuối tháng 5 năm 2017 T đi đến xã Q, huyện Q phát hiện trước quán cắt tóc có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh, biển kiểm soát 36B5-156.56 của chị Phạm Thị D. Thấy không có người trông coi nên T dùng vạm phá khóa bể khóa xe và trộm chiếc xe. Trên đường về T tháo biển số xe và vớt dọc đường. Sau đó T lắp biển số xe khác vào và đưa chiếc xe trên cho chị Nguyễn Thị Ng (mẹ vợ của T) làm phương tiện để chở con gái T đi học.

Vụ thứ tám: Khoảng 15 giờ vào một ngày cuối tháng 6 năm 2017 T đi vòng quanh các lô đất làm màu tại xóm P, xã N, huyện N phát hiện trước sân một ngôi nhà cấp 4 (gần lô đất cạnh một cây cột điện), có 02 chiếc xe máy trong đó có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng biển kiểm soát 37G1-521.52 của chị Hoàng Thị T có chìa khóa đang cắm trên xe nên đã đột nhập vào sân trộm chiếc xe. Sau đó, T nhờ Nguyễn Anh Th (bạn đi tù với T tại Trại giam Thanh Cẩm) bán cho một người tên L (bạn của Th) với giá 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ chín: Vào khoảng 21 giờ ngày 24/12/2017 T đi bộ vào một ngõ hẻm có đường bê tông tại xã C, huyện Q thì phát hiện ngôi nhà cấp 4 ở bên phải đường có một chiếc xe máy Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 37H1-277.65 của chị Vi Thị L. T dùng vạm phá khóa mở khóa xe máy và trộm cắp chiếc xe máy. T sử dụng chiếc xe này một thời gian rồi đem bán cho Đặng Văn D với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Vụ thứ mười: Khoảng 17 giờ 00 ngày 31/12/2017 T đến xã T, huyện Q, đi bộ vào nhà anh Ngô Văn B, thấy không có người. Ở sân có 02 chiếc xe máy trong đó có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng biển kiểm soát 37H1-052.33 và có 01 chiếc khóa xe để trên bàn uống nước. T đi lại lấy chìa khóa xe và mở khóa xe Honda Vision và trộm chiếc xe này. Sau đó T đổi biển số xe Honda Vision với biển số chiếc xe máy Sirius trộm trước đó với nhau. Đến ngày 15/01/2018 T đưa chiếc xe nói trên đem xuống bán cho Đặng Văn D. Khi chưa kịp bán cho D thì bị Công an huyện D bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị hại anh Lê Q, Nguyễn Cảnh H, Đỗ Văn Đ, Trần Văn Th và đại diện theo ủy quyền của bị hại bà Kh có mặt: yêu cầu bị cáo bồi thường cho họ giá trị xe bị mất theo giá hội đồng định giá đã định giá.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, trong khoảng thời gian từ ngày 24/12/2016 đến ngày 31/12/2017, Trần Thanh T đã thực hiện 10 vụ trộm xe máy của nhiều người trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh với tổng giá trị tài sản là 139.500.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về các vấn đề khác của vụ án:

Thủ tục định giá: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định giá trị các xe máy Trần Thanh T trộm cắp như sau:

Xe máy Sirius màu đỏ đen 36C1-21048: 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Xe máy Sirius màu đen trắng 37B1-369.06: 11.000.000 đ (mười một triệu đồng)

Xe máy Jupiter Mx màu bạc 37N1- 0210: 7000.000 đ (bảy triệu đồng).

Xe máy Wave màu trắng 37M1-103.78: 11.500.000 đ (mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Xe máy Wave Anpha màu đỏ, đen, bạc 37G1-583.29: 11.500.000 đ (mười một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Xe máy Honda Air Blade màu đen đỏ 37D1-694.86: 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng).

Xe máy Honda Lead màu xanh, 36B5-156.56: 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Xe máy Wave màu trắng 37G1-521.52: 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Xe máy Sirius màu vàng đen, 37H1-277.65: 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Xe máy Honda Vision màu trắng biển kiểm soát 37H1-052.33: 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Quá trình điều tra người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên. Bị cáo cũng không có ý kiến gì.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành thu giữ 01 (một) vạm phá khóa hình chữ T, đầu vạm làm bằng kim loại hình chữ T, phần thân vạm làm bằng kim loại, một đầu hình ngũ giác, một đầu được mài mòn thành dạng bẹp để bẻ khóa xe.

Tiến hành trả:

01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu vàng đen số khung KLCUE1710HY189941, số máy E3T6E275842, biển số 37H1-277.65 cho chị Vi Thị L.

01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu trắng đen bạc, số khung 3309CY094286, số máy F33E0094354, biển số 37H1-052.33 cho anh Ngô Văn B.

01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Lead màu xanh, số khung RLHJF4513FY726912, số máy JF4SE0740187; mang biển số 36B5-156.56 cho chị Phạm Thị D.

01 (một) xe máy nhãn hiệu Jupiter Mx màu đen bạc, số khung RLCJ589306Y003385, số máy 5B93003385, biển số 37N1-0210 cho anh Trần Quyết Th.

01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, số khung RLCS5C6JOEY101220, số máy 5C6J101231 biển số 36C1-21048 cho chị Lê Thị H.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Thị H, Phạm Thị D, Trần Quyết Th, Ngô Văn B, Vi Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu Trần Thanh T bồi thường gì thêm về dân sự.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá xe không thu hồi lại được. Anh Trần Văn Th yêu cầu bồi thường xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng biển số 37M1-103.78 trị giá 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Anh Lê Q yêu cầu bồi thường xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen trắng biển kiểm soát 37B1-369.06 trị giá 11.000.000đồng (mười một triệu đồng). Anh Nguyễn Cảnh H yêu cầu bồi thường xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đen đỏ, biển kiểm soát 37D1-694.86 trị giá 28.000.000đồng (hai tám triệu đồng). Anh Đỗ Văn Đ yêu cầu bồi thường xe máy nhãn hiệu Wave Anpha màu đỏ, đen, bạc biển kiểm soát 37G1-583.29 trị giá 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Chị Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng biển kiểm soát 37G1-521.52 trị giá 9.000.000đồng (chín triệu đồng)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn D, Nguyễn Xuân H không có yêu cầu bồi thường mất dân sự.

- Bản cáo trạng số 67/CT-VKSDC ngày 13/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Trần Thanh T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p, o khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 04-05 năm tù. Dân sự: Áp dụng: khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại. Truy thu số tiền thu lợi bất chính: 9.500.000đồng (Chín triệu, năm trăm ngàn đồng). Vật chứng: tịch thu, tiêu hủy 01 vạm phá khóa.

Bị cáo không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt, làm lại cuộc đời.

Các bị hại: đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về hình phạt đối với bị cáo là quá nhẹ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có yêu cầu bồi thường dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Tình khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 24/12/2016 đến ngày 31/12/2017, với mục đích lấy cắp tài sản của người khác, lợi dụng sơ hở, đêm tối, bị cáo đã sử dụng vạm phá khóa để bẻ khóa, lấy cắp 10 chiếc xe máy trên địa bàn các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa và Hà Tĩnh. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là làm ảnh hưởng, xâm phạm đến việc thực hiện quyền sở hữu của họ. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra từ năm 2016 đến năm 2017 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xử lý.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị 139.500.000 đồng (một trăm ba mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng).

Bị cáo liên tiếp thực hiện tội phạm: ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138, chấp hành xong hình phạt vào ngày 22/11/2016. Bị cáo tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm.

Như vậy bị cáo phạm tội thuộc quy định tại các điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng, gây ra tâm lý, lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian, mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học răn đe bản thân mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý, do tình tiết tái phạm nguy hiểm được áp dụng để định khung nên không xem là tình tiết tăng nặng. Nhưng bị cáo phạm tội nhiều lần (trong khoảng thời gian 01 năm bị cáo thực hiện 10 hành vi lấy cắp xe máy) nên cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội chưa bị phát hiện; bố bị cáo là người có công, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Nên cần áp dụng các điểm p, o khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Hình phạt bổ sung: bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy cho chị Vi Thị L, anh Ngô Văn B, chị Phạm Thị D, anh Trần Quyết Th, chị Lê Thị H. Là đúng quy định pháp luật. 01 (một) vạm phá khóa hình chữ T, là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Thị H, Phạm Thị D, Trần Quyết Th, Ngô Văn B, Vi Thị L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu Trần Thanh T bồi thường gì thêm về dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn D, Nguyễn Xuân H không có yêu cầu bồi thường mất dân sự.

Người bị hại anh Trần Văn Th yêu cầu bồi thường 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Anh Lê Q yêu cầu bồi thường 11.000.000đồng (mười một triệu đồng). Anh Nguyễn Cảnh H yêu cầu bồi thường 28.000.000đồng (hai tám triệu đồng). Anh Đỗ Văn Đ yêu cầu bồi thường 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Chị Hoàng Thị T yêu cầu bồi thường 9.000.000đồng (chín triệu đồng). Xét yêu cầu của các bị hại là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường, nên cần áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho những người bị hại trên.

[8] Biện pháp tư pháp: bị cáo bán xe trộm cắp thu lợi bất chính 9.500.000đồng (chín triệu, năm trăm ngàn đồng) nên cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 để truy thu.

[9] Đánh giá về những vấn đề khác:

Đặng Văn D, Nguyễn Xuân H là người mua xe máy của T, Nguyễn Thị Ng sử dụng xe do T trộm cắp, nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không phạm tội.

Nguyễn Anh Th là người tiêu thụ tài sản cho T, nhưng Th không thừa nhận hành vi của mình nên không có cơ sở để xử lý.

Lê Bá T là người tiêu thụ tài sản T trộm cắp mà có, qua xác minh Lê Bá T đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không xử lý là có cơ sở.

[10] Kiến nghị cơ quan điều tra làm rõ hành vi của người tên H ở xã T, huyện Y; L và Hoàng M ở tỉnh Thanh Hóa; H ở xã D, huyện D, để xử lý.

Điều tra làm rõ 02 vụ trộm cắp tài sản tại khu vực S, Thanh Hóa và tại thành phố V, tỉnh Nghệ An, mà Trần Thanh T khai nhận thực hiện.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p, o khoản 1 Điều 46; điểm g (phạm tội nhiều lần) khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Thanh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 15/01/2018). Về tội: Trộm cắp tài sản.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Trần Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho: Anh Trần Văn Th 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Anh Lê Q 11.000.000đồng (mười một triệu đồng). Anh Nguyễn Cảnh H 28.000.000đồng (hai mươi tám triệu đồng). Anh Đỗ Văn Đ 11.500.000đồng (mười một triệu, năm trăm ngàn đồng). Chị Hoàng Thị T 9.000.000đồng (chín triệu đồng).

Biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 truy thu số tiền thu lợi bất chính 9.500.000đồng (chín triệu, năm trăm ngàn đồng) tại bị cáo Trần Thanh T.

Vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa hình chữ T hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D (tình trạng vật chứng theo phiếu nhập kho số 383 ngày 13/8/2018).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều các 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự” (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Trần Thanh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.550.000đ (ba triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện theo ủy quyền của người bị hại có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện D;
- CA huyện D;
- CCTHA Dân sự huyện D;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

(Đã ký)

Nguyễn Danh Hùng